

Bản án số: 475/2024/HSPT

Ngày: 25-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường
Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 390/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Đặng Thị Minh K** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HSST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Đặng Thị Minh K**, sinh ngày 19/12/1986 tại **huyện H, tỉnh Quảng Nam**; nơi cư trú: **khối phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng Ngọc A**, sinh năm 1964 và bà **Phan Thị B**, sinh năm 1973; có chồng là **Lê Văn H**, sinh năm 1973 và có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/02/2023; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Minh K theo chỉ định của cơ quan tiến hành tố tụng:** Luật sư **Nguyễn Thành Đ**, Công ty L7, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

*** Bị hại:**

1. Bà [Nguyễn Thị T](#), sinh năm 1961; trú tại: [thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); vắng mặt.
2. Bà [Huỳnh Thị T1](#), sinh năm 1976; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); vắng mặt.
3. Bà [Nguyễn Thị T2](#), sinh năm 1961; trú tại: [thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
4. Bà [Võ Thị Duy P](#), sinh năm 1979; trú tại: : [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); vắng mặt.
5. Bà [Đào Thị Hồng P1](#), sinh năm 1987; trú tại: [thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
6. Bà [Nguyễn Thị Ánh L](#), sinh năm 1978; trú tại: [thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
7. Bà [Nguyễn Thị H1](#), sinh năm 1970; trú tại: [thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
8. Bà [Phan Thị Bích M](#), sinh năm 1986; trú tại: [thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
9. Bà [Trần Thị Đ1](#), sinh năm 1958; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); vắng mặt và uỷ quyền cho ông [Thái Văn N](#), sinh năm 1960 (là chồng) tham gia tố tụng; có mặt.
10. Bà [Nguyễn Thị Y](#), sinh năm 1972; trú tại: [Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
11. Bà [Dương Thị N1](#), sinh năm: 1978; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
12. Bà [Phan Thị Thu T3](#), sinh năm: 1990; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
13. Bà [Nguyễn Thị N2](#), sinh năm: 1987; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
14. Bà [Nguyễn Thị Tường V](#), sinh năm: 1982; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
15. Bà [Lê Thị Xuân L1](#), sinh năm: 1954; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); vắng mặt.
16. Bà [Hò Thị T4](#), sinh năm: 1967; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); vắng mặt.
17. Bà [Trần Thị V1](#), sinh năm: 1971; trú tại: [thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.
18. Bà [Huỳnh Thị Mỹ L2](#), sinh năm: 1967; trú tại: [khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam](#); có mặt.

19. Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm: 1978; trú tại: thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
20. Bà Võ Thị P, sinh năm: 1966; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
21. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm: 1967; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
22. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm: 1956; Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
23. Bà Huỳnh Thị L3, sinh năm: 1963; trú tại: thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
24. Bà Lê Thị Thùy H2, sinh năm: 1971; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
25. Bà Trần Thị L4, sinh năm: 1975; trú tại: thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
26. Bà Trần Thị Kim H3, sinh năm: 1989; trú tại: khối phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
27. Bà Đặng Nguyễn Hồng M1, sinh năm: 1995; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
28. Bà Nguyễn Thị Diễm M2, sinh năm: 1990; trú tại: B H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
29. Ông Trần Minh Đ2, sinh năm: 1990; trú tại: Tổ C, thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
30. Bà Nguyễn Thị Như H4, sinh năm: 1970; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
31. Bà Võ Thị P2, sinh năm: 1964; trú tại: thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
32. Bà Thái Thị T7, sinh năm: 1966; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
33. Bà Trần Thị L5, sinh năm: 1993; trú tại: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
34. Bà Nguyễn Thị L6, sinh năm: 1988; trú tại: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
35. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1961; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
36. Bà Dũ Thị P3, sinh năm: 1976, trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

37. Bà **Võ Thị Hoài T8**, sinh năm: 1993; trú tại: **thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**; vắng mặt.

38. Bà **Phạm Thị Q**, sinh năm: 1988; trú tại: **khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**; có mặt.

39. Bà **Hồ Thị M3**, sinh năm: 1963; trú tại: **thôn C, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**; vắng mặt.

40. Bà **Lê Thị Đ3**, sinh năm: 1962; trú tại: **khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**; có mặt.

41. Bà **Nguyễn Thị H5**, sinh năm: 1969; trú tại: **Tổ G, thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam**; có mặt.

42. Bà **Mai Thị Hoàng H6**, sinh năm: 1989; trú tại: **C H, khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**; có mặt.

* *Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho 42 bị hại (theo yêu cầu của 42 bị hại):* Ông **Nguyễn Anh T9** - Luật sư của **Công ty L8**, thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**; có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Mai Thị T10**, sinh năm: 1986; trú tại: **Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện H** đã tiếp nhận đơn của bà **Thái Thị T7** (sinh năm: 1966; trú tại: **khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) và 22 người khác tố cáo **Đặng Thị Minh K** (sinh ngày 19/12/1986; trú tại: **khối phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) có hành vi lợi dụng mình làm chủ biên hội chiếm đoạt tài sản của những người nêu trên với số tiền 20.968.935.000 đồng (hai mươi tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện H** đã thụ lý và chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra xác định được: **Đặng Thị Minh K** bắt đầu làm chủ biên vào năm 2012 để cho các cá nhân tại khu vực **chợ H7, tỉnh Quảng Nam** tham gia với hình thức chơi biên có lãi. **K** lập ra nhiều dây biên, mỗi dây biên gồm nhiều chân biên, người tham gia chơi biên có quyền tham gia chơi nhiều chân biên; với cách thức chơi biên như sau:

- Một kỳ biên có thể quy ước là 10 ngày, 20 ngày hoặc 30 ngày... tùy theo sự quy định của chủ biên. Khi đến kỳ, chủ biên tổ chức cho người tham gia chơi biên trong dây biên đó tham gia đấu biên, người nào đấu giá cao nhất sẽ được hót biên. Tiền đấu giá là tiền người hót biên phải trả cho tất cả người tham gia chơi biên không được hót biên trong dây biên (gọi là tiền lãi). Tiền biên được hót là tổng số tiền người không được hót trong kỳ đó nộp lại sau khi đã trừ tiền lãi. Đến mỗi kỳ, **K** có trách nhiệm thu tiền biên của những người tham gia chơi biên (người không được hót biên) trong dây biên đó, giao lại cho những

người được hốt biêu. Quyền lợi của K được hưởng một phần tiền lãi mà người được hốt biêu phải trả trong kỳ biêu.

- Trong quá trình chơi biêu khi đã trải qua ít nhất 01 đợt đấu biêu và hốt biêu, khi đến kỳ đấu biêu tiếp theo thì có một người đấu trúng được hốt biêu nhưng lúc này cũng có một người tham gia trong dây biêu mà đấu không trúng đang cần tiền muốn hốt biêu thì chủ biêu yêu cầu người này phải bỏ ra số tiền đấu biêu lớn hơn số tiền đấu biêu mà người chơi biêu đã đấu trúng được hốt. Chủ biêu sẽ có trách nhiệm tìm người khác để thay thế vào chân biêu người này. Và người thay thế (gọi là người kê biêu) giao cho chủ biêu số tiền bằng số tiền người được hốt biêu (sau khi trừ tiền lãi) để K giao lại cho người có nhu cầu hốt biêu nói trên. Người kê biêu sẽ được hưởng số tiền lãi bằng số tiền đấu biêu của người có nhu cầu hốt biêu nhân với tổng số người còn tham gia chơi biêu chưa được hốt biêu (biêu sống). Người kê biêu thay thế người có nhu cầu hốt biêu chơi biêu đến cuối kỳ.

- Ngoài ra, trong quá trình chơi biêu có một người chơi có nhu cầu rút tiền ra không tham gia chơi trong dây biêu nữa thì người chơi đó phải trả lại số tiền lãi mà những người hốt biêu trước bỏ ra đấu biêu mà mình đã được hưởng và được nhận lại số tiền mà họ đã đóng. Chủ biêu sẽ có trách nhiệm tìm người thay thế vào tham gia chơi chân biêu đó (gọi là người thối biêu). Người thối biêu thay người không có nhu cầu sẽ chơi biêu đến cuối kỳ.

Từ năm 2012 đến năm 2016, việc chơi biêu do K làm chủ biêu diễn ra đúng như thỏa thuận ban đầu. Đến năm 2016, K khai bị một số người tham gia chơi biêu không nộp lại tiền biêu sau khi đã hốt biêu nên dẫn đến bị thất thoát số tiền là 1.660.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên, lúc đó K không thông báo cho những người tham gia chơi biêu còn lại biết việc này mà tiếp tục mở nhiều dây biêu mới để tiếp tục chơi. Từ thời điểm năm 2016 trở về sau này, K thực hiện việc chơi biêu không đúng như thỏa thuận quy ước ban đầu, mục đích là để K chiếm đoạt tiền của những người tham gia chơi biêu và sử dụng tiền chiếm đoạt đó trả cho những người hốt biêu ở những dây biêu khác bằng các hình thức sau:

- Mỗi dây biêu, Kiều tự tham gia chơi nhiều chân biêu với tư cách là thành viên nhưng không nói với người tham gia chơi biêu biết (vì các chân biêu do Kiều tự tham gia là chân biêu giả, không đóng tiền biêu). Đến kỳ đấu biêu, để những người tham gia chơi biêu không phát hiện việc K tham gia chơi nhiều chân biêu, K không tổ chức đấu biêu mà dựa trên số tiền người tham gia đấu biêu ghi giấy đưa cho K rồi tự bỏ giá đấu biêu cao hơn những người đấu biêu đó khoảng 01 triệu đến 02 triệu đồng và thông báo cho họ là có người đã đấu giá cao hơn số tiền của người tham gia chơi biêu đã đấu để chiếm đoạt tiền của những người tham gia chơi biêu.

- Kiều nói dối với người có nhu cầu kê biêu đồng ý đưa tiền cho K để được kê biêu. Sau khi nhận tiền của người có nhu cầu kê biêu, K chiếm đoạt sử dụng để trả nợ cho những người tham gia chơi biêu ở những dây biêu khác và tiêu xài cá nhân.

- Kiềm nói dối với người có nhu cầu thổi biếu là có người chơi biếu nhưng không muốn tiếp tục chơi biếu nữa và muốn rút tiền ra. Người có nhu cầu thổi biếu tin tưởng giao tiền cho K để được thay thế người không có nhu cầu chơi biếu nữa và K chiếm đoạt sử dụng để trả nợ cho những người tham gia chơi biếu ở những dây biếu khác và tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 03/11/2022, một số người chơi đến kỳ trút ống, K không có khả năng chi trả nên tuyên bố vỡ biếu. Quá trình điều tra xác định thông qua việc chơi biếu, K đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt 35.581.277.000 đồng của 42 người, cụ thể:

1. Nguyễn Thị T (sinh năm: 1961; trú tại: thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 71.830.000 đồng.

2. Huỳnh Thị T1 (sinh năm: 1976; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 1.740.675.000 đồng.

3. Nguyễn Thị T2 (sinh năm: 1961; trú tại: thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 374.505.000 đồng.

4. Võ Thị Duy P (sinh năm: 1979; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 523.836.000 đồng.

5. Đào Thị Hồng P1 (sinh năm: 1987; trú tại: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 5.153.450.000 đồng.

6. Nguyễn Thị Ánh L (sinh năm: 1978; trú tại: thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 545.415.000 đồng.

7. Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1970; trú tại: thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 617.620.000 đồng.

8. Phan Thị Bích M (sinh năm: 1986; trú tại: thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 504.710.000 đồng.

9. Trần Thị Đ1 (sinh năm: 1958; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 894.025.000 đồng.

10. Nguyễn Thị Y (sinh năm: 1972; trú tại: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam) số tiền 149.055.000 đồng.

11. Dương Thị N1 (sinh năm: 1978; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 1.745.105.000 đồng.

12. Phan Thị Thu T3 (sinh năm: 1990; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 355.550.000 đồng.

13. Nguyễn Thị N2 (sinh năm: 1987; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 2.769.810.000 đồng.

14. Nguyễn Thị Tường V (sinh năm: 1982; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 279.530.000 đồng.

15. Lê Thị Xuân L1 (sinh năm: 1954; trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam) số tiền 776.960.000 đồng.

16. **Hồ Thị T4** (sinh năm: 1967; trú tại: **khôi phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 400.520.000 đồng.
17. **Trần Thị V1** (sinh năm: 1971; trú tại: **thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 1.034.270.000 đồng.
18. **Huỳnh Thị Mỹ L2** (sinh năm: 1967; trú tại: **khôi phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 399.150.000 đồng.
19. **Nguyễn Thị Á** (sinh năm: 1978; trú tại: **thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 456.405.000 đồng.
20. **Võ Thị P** (sinh năm: 1966; trú tại: **khôi phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 152.390.000 đồng.
21. **Nguyễn Thị T5** (sinh năm: 1967; trú tại: **khôi phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 202.725.000 đồng.
22. **Nguyễn Thị T6** (sinh năm: 1956; trú tại: **thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 97.240.000 đồng.
23. **Huỳnh Thị L3** (sinh năm: 1963; trú tại: **thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 420.104.000 đồng.
24. **Lê Thị Thùy H2** (sinh năm: 1971; trú tại: **khôi phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 1.478.800.000 đồng.
25. **Trần Thị L4** (sinh năm: 1975; trú tại: **thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 878.378.000 đồng.
26. **Trần Thị Kim H3** (sinh năm: 1989; trú tại: **khôi phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 365.280.000 đồng.
27. **Đặng Nguyễn Hồng M1** (sinh năm: 1995; trú tại: **khôi phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 320.355.000 đồng.
28. **Nguyễn Thị Diễm M2** (sinh năm: 1990; trú tại: **B H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 230.250.000 đồng.
29. **Trần Minh Đ2** (sinh năm: 1990; trú tại: **Tổ C, thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 1.264.915.000 đồng.
30. **Nguyễn Thị Như H4** (sinh năm: 1970; trú tại: **khôi phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 2.314.805.000 đồng.
31. **Võ Thị P2** (sinh năm: 1964; trú tại: **thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 496.269.000 đồng.
32. **Thái Thị T7** (sinh năm: 1966; trú tại: **khôi phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 1.720.420.000 đồng.
33. **Trần Thị L5** (sinh năm: 1993; trú tại: **thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 970.810.000 đồng.
34. **Nguyễn Thị L6** (sinh năm: 1988; trú tại: **thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 327.810.000 đồng.

35. Huỳnh Thị C (sinh năm: 1961; trú tại: **khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 441.320.000 đồng.

36. **Dũ Thị P3** (sinh năm: 1976; trú tại: **khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 1.356.860.000 đồng.

37. **Võ Thị Hoài T8** (sinh năm: 1993; trú tại: **thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 232.870.000 đồng.

38. **Phạm Thị Q** (sinh năm: 1988; trú tại: **khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 102.260.000 đồng.

39. **Hồ Thị M3** (sinh năm: 1963; trú tại: **thôn C, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 92.500.000 đồng.

40. **Lê Thị Đ3** (sinh năm: 1962; trú tại: **khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 155.180.000 đồng.

41. **Nguyễn Thị H5** (sinh năm: 1969; trú tại: **Tổ G, thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 61.625.000 đồng.

42. **Mai Thị Hoàng H6** (sinh năm: 1989; trú tại: **C H, khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 3.105.690.000 đồng.

Sau khi tuyên bố vỡ nợ, **Đặng Thị Minh K** trả cho bà **Võ Thị Duy P** số tiền 5.000.000 đồng, đưa cho bà **Phan Thị Thu T3** 01 tủ lạnh trị giá 13.900.000 đồng, đưa cho bà **Nguyễn Thị Diễm M2** 01 đồng hồ và 01 xe đạp trị giá 15.790.000 đồng, chuyển cho ông **Trần Minh Đ2** quyền sử dụng 2m² đường đất mà **K** mua trước đây trị giá 70.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HSST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Đặng Thị Minh K** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Minh K** 20 (Hai mươi) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/02/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị hại kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm với lý do cơ quan điều tra thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ. Tòa án sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện và đề nghị tăng hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại đề nghị hủy án để điều tra xét xử lại, chấp nhận kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt chung thân đối với bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên và Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các bị hại cho rằng quan điều tra thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Từ năm 2016 đến năm 2022, để có tiền trả tiền lãi, tiền hót biếu cho những người tham gia chơi biếu và tiêu xài cá nhân, Đặng Thị Minh K đã tự dựng lên nhiều dây biếu không và đưa ra thông tin gian dối là có nhiều người tham gia chơi biếu, có lãi cao làm cho các bị hại (những người tham gia chơi biếu) tin tưởng và rất nhiều lần đưa tiền cho K và bị cáo K đã chiếm đoạt của 42 người bị hại, với tổng số tiền là 35.581.277.000 đồng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HSST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về quyết định hình phạt:

[3.1] Bị cáo Đặng Thị Minh K hiểu, nhận thức được điều đó, song do tính tham lam, ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng vào sự cả tin của người khác, dùng thủ đoạn gian dối, rất nhiều lần chiếm đoạt của nhiều người bị hại với số tiền lớn để phục vụ cho lợi ích cá nhân. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn phương hại đến hoạt động bình thường của nền kinh tế, trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân.

[3.2] Bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại, mỗi lần với số tiền từ 2.000.000 đồng trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nhưng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện giao nộp 03 sổ Tiết kiệm tổng trị giá 70.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả và trước đó trả cho bà Võ Thị Duy P số tiền 5.000.000 đồng, trả cho bà Phan Thị Thu T3 01 tủ lạnh trị giá 13.900.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Diễm M2 01 đồng hồ và 01 xe đạp trị giá 15.790.000 đồng, chuyển cho ông Trần Minh Đ2 quyền sử dụng 2m² đường đất bị cáo mua trước đây trị giá

70.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi 02 con nhỏ, bị cáo có ông **N3** là ông **Đặng M4** được công nhận là Liệt sỹ; sau khi xét xử sơ thẩm có nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để khắc phục hậu quả. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Các bị hại khai bị cáo có vay 99 người đã xét xử 42 bị hại còn lại 57 người khác, chưa triệu tập bà **N4**, bà **T10** để điều tra làm rõ; thấy rằng nội dung này đề nghị cơ quan điều tra làm rõ khi có yêu cầu.

[5] Từ những phân tích trên; Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HSST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xét xử bị cáo **Đặng Thị Minh K** 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

2. Áp dụng Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thị Minh K** 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/02/2023).

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Văn Thường

- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.